

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

-----000-----



# **KỶ YẾU**

## **HỘI NGHỊ KHOA HỌC**

### **ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG LẦN THỨ V**

#### **QUYỂN 2: CÁC TIỂU BAN**

- Khoa học giáo dục
- Ngôn ngữ học
- Khoa học xã hội và nhân văn
- Khoa học kinh tế

**ĐÀ NẴNG, 11-2012**

Bàn về mối quan hệ giữa một số nhân tố thuộc về đặc điểm doanh nghiệp và mức độ công bố thông tin của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam <i>An investigation on the relationship between characteristics of listed Vietnamese companies and the extent of voluntary internet corporate disclosure</i> Lê Thị Trúc Loan	298
Đổi mới cơ bản, toàn diện về đào tạo ở trường đại học đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa: Cách tiếp cận theo quan điểm mô hình kinh doanh <i>Renewal basic, comprehensive training needs in the university meets industrialization and modernization: Approach by point business model</i> Đặng Văn Mỹ	306
Phát triển siêu thị bán lẻ theo cách tiếp cận về mô hình kinh doanh <i>Supermarket retail development approach in the business model</i> Đặng Văn Mỹ	318
Xây dựng mô hình liên kết giảm thiểu rủi ro trong sản xuất của hộ chăn nuôi heo ở thành phố Cần Thơ <i>Building the linkage model to prevent agricultural risks on pig production of farmer households in Cantho city</i> Nguyễn Quốc Nghi, Trần Quốc Anh, Nguyễn Đình Yến Oanh, Võ Văn Phong	326
Phân tích các nhân tố ảnh hưởng cấu trúc tài chính từ mô hình dữ liệu bảng động – trường hợp các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam <i>The determinants of capital structure: dynamic panel data analysis – in case of the listed material producing enterprises in construction industry on hose and hnx</i> Nguyễn Quang Minh Nhi	333
Ảnh hưởng định hướng thị trường đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh cà phê trên địa bàn tỉnh Gia Lai <i>The effect of a market orientation on business performance of coffee companies in Gia Lai</i> Trương Bá Thanh, Lê Văn Huy, Đoàn Tranh	341
Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành động quản trị lợi nhuận của các doanh nghiệp phát hành cổ phiếu ra công chúng niêm yết trên sàn chứng khoán TP HCM <i>Investigating the factors that have an influence on earnings management of listed seasoned equity offerings companies on Ho Chi Minh City stock exchange</i> Phạm Thị Bích Vân	350



**GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO SINH VIÊN  
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**  
SOLUTIONS TO DEVELOP STUDENT'S MOVEMENT  
FOR SCIENTIFIC RESEARCH IN UNIVERSITIES OF MEKONG DELTA

*Nguyễn Quốc Nghi, Nguyễn Đình Yên Oanh, Võ Văn Phong*  
*Trường Đại học Cần Thơ*

**TÓM TẮT**

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm đề xuất giải pháp phát triển phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học (NCKH) ở các trường đại học thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Số liệu của nghiên cứu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp 575 sinh viên các trường đại học công lập và ngoài công lập ở khu vực ĐBSCL. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ sinh viên tiếp cận với thông tin NCKH khá cao và chủ yếu thông qua kênh thông báo chính thống của nhà trường. Mức độ sẵn sàng tham gia NCKH của sinh viên là rất cao, tuy nhiên tỷ lệ sinh viên đã từng tham gia NCKH còn rất thấp. Lợi ích mà sinh viên đánh giá cao nhất từ hoạt động NCKH đem lại là phát huy khả năng sáng tạo, tìm tòi. Hầu hết sinh viên đều gặp khó khăn trong việc định hướng chọn đề tài nghiên cứu. Nghiên cứu cũng đã đề xuất 6 giải pháp nhằm phát triển phong trào NCKH trong sinh viên ở các trường đại học khu vực ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung.

**Từ khóa:** giải pháp; nghiên cứu khoa học; sinh viên; đại học; đồng bằng sông Cửu Long

**ABSTRACT**

This study aims to propose solutions to develop students' movement for scientific research in universities of Mekong Delta. The data of study was collected through direct interview 575 students from public universities and non – public universities in Mekong Delta. Research results showed that the percentage of students approach to the fair high research information by the essential formal announce of school. The prepared student for participating research is very high. However, the percentage of experienced participating research student is very low. The special benefits of students are bringing about scientific research activities to promote creativity and exploration. Most of students are having difficulty to orient selection. The study also proposed 6 solutions to develop student's movement for scientific research in universities of Mekong Delta in particular and the country in general.

**Key words:** solution; scientific research; students; university; Mekong Delta

**1. Đặt vấn đề**

Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một nhiệm vụ quan trọng, thúc đẩy quá trình đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đào tạo và trình độ của đội ngũ giảng viên trong các trường đại học. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, với vai trò quan trọng của tri thức khoa học, việc đẩy mạnh NCKH trong trường đại học càng có ý nghĩa thiết thực, nhằm tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao có khả năng đáp ứng nhu cầu thực tiễn đặt ra trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (Nguyễn Quốc Nghi, 2011). Tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), sự phát triển của hệ thống

giáo dục đại học trong vài năm gần đây đã đánh dấu những bước tiến quan trọng trong việc cải thiện trình độ dân trí của khu vực. Các trường đại học ở khu vực, đầu tàu là Trường Đại học Cần Thơ đã và đang cải tiến chương trình đào tạo theo hướng tiên tiến và hội nhập, đồng thời đẩy mạnh hoạt động NCKH, trong đó có phong trào sinh viên NCKH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo gắn liền với thực tiễn. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan mà hoạt động NCKH vẫn còn đang bị “bỏ ngỏ”, đặc biệt là công tác NCKH của sinh viên. Vì thế, hơn lúc nào hết, phong trào NCKH trong sinh viên ở các trường đại học của khu vực cần được



**XÂY DỰNG MÔ HÌNH LIÊN KẾT GIẢM THIỂU RỦI RO  
TRONG SẢN XUẤT CỦA HỘ CHĂN NUÔI HEO Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
BUILDING THE LINKAGE MODEL TO PREVENT AGRICULTURAL RISKS  
ON PIG PRODUCTION OF FARMER HOUSEHOLDS IN CAN THO CITY

*Nguyễn Quốc Nghi, Trần Quế Anh, Nguyễn Đình Yến Oanh, Võ Văn Phong*  
*Trường Đại học Cần Thơ*

**TÓM TẮT**

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xây dựng mô hình liên kết giảm thiểu rủi ro trong sản xuất của hộ chăn nuôi heo ở thành phố Cần Thơ. Số liệu của nghiên cứu được thu thập từ 118 hộ nuôi heo ở thành phố Cần Thơ. Kết quả phân tích thông qua phương pháp thống kê mô tả chỉ ra rằng nông hộ chăn nuôi heo phải đối mặt với nhiều rủi ro về sản xuất, thị trường và tài chính. Trong đó, nhóm rủi ro sản xuất và rủi ro thị trường có tác động rõ rệt nhất. Mặt khác, phản ứng của hộ chăn nuôi đối với các loại rủi ro còn nhiều hạn chế, chủ yếu phụ thuộc vào kinh nghiệm chủ quan. Từ đó, nhóm nghiên cứu đã xây dựng mô hình liên kết các tác nhân trong ngành chăn nuôi heo như Nhà nước, nhà khoa học, nhà cung ứng, nhà thu mua, tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm và hộ chăn nuôi nhằm giảm thiểu rủi ro trong sản xuất của hộ chăn nuôi heo, góp phần phát triển ngành chăn nuôi heo ở thành phố Cần Thơ.

**Từ khóa:** nông hộ; chăn nuôi heo; rủi ro nông nghiệp; hiệu quả sản xuất; mô hình liên kết

**ABSTRACT**

This research was conducted in order to build the linkage model that helps prevent the agricultural risks on pig production of farmer households in Can Tho city. Data in the research were collected from 118 pig production households in Can Tho city. Research results from the analysis by using descriptive statistics method showed that pig production households in Can Tho city were affected by many production risks, marketing risks, and financial risks. Among these, the production risks and the marketing risks were the two most influential factors. Otherwise, the reaction of farmer households to the agricultural risks was limited and depended much on their experience. Therefore, the researchers have built the linkage model that connects the relevant groups of pig production including the Government, scientists, suppliers, traders, credit institutions, insurance companies, and farmer households to prevent agricultural risks and contribute to the sustainable development of pig production in Can Tho city.

**Key words:** farmer households; pig production; agricultural risks; production efficiency; linkage model

**1. Đặt vấn đề**

Chăn nuôi heo là một trong những hoạt động sản xuất nông nghiệp phổ biến ở địa bàn thành phố Cần Thơ cùng với sản xuất lúa và hoa màu. Hầu hết các hộ gia đình đều đánh giá khá cao hoạt động chăn nuôi heo vì khả năng tạo thêm nguồn thu nhập ổn định cho gia đình. Do đó, ngành chăn nuôi heo có nhiều tiềm năng để phát triển. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất này cũng luôn “thăng trầm”, thường xuyên chịu tác động của nhiều yếu tố khách quan. Trong thời gian gần đây, hộ chăn nuôi heo luôn đối mặt với nhiều rủi ro như giá heo thịt bị giảm nghiêm trọng vào năm 2010 và tiếp theo là hàng loạt

dịch bệnh như heo tai xanh, lở mồm long móng làm sụt giảm đáng kể nhu cầu tiêu dùng mặt hàng này. Thực tế, quá trình chăn nuôi heo còn gặp nhiều yếu tố rủi ro khách quan tác động đến hiệu quả sản xuất. Tuy nhiên, phản ứng của phần lớn hộ chăn nuôi heo vẫn còn nhiều hạn chế, chủ yếu mang tính kinh nghiệm. Các tác nhân có liên quan trong quá trình sản xuất, tiêu thụ của nông hộ, đặc biệt là mối quan hệ “4 nhà” chưa thật sự phát huy hết vai trò để mang lại sự ổn định cho ngành chăn nuôi heo của thành phố. Chính vì vậy, nghiên cứu “Xây dựng mô hình liên kết giảm thiểu rủi ro trong sản xuất của nông hộ chăn nuôi heo ở thành phố Cần Thơ”



được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng rủi ro và phản ứng của hộ chăn nuôi heo đối với các loại rủi ro, từ đó xây dựng mô hình liên kết các tác nhân có liên quan trong ngành để giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả chăn nuôi heo cho hộ gia đình.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp thu thập số liệu

*Bảng 1. Mô tả cỡ mẫu điều tra theo địa bàn*

Địa bàn	Tần số	Tỷ lệ (%)
Quận Thốt Nốt	50	42,4
Huyện Cờ Đỏ	40	33,9
Huyện Vĩnh Thạnh	28	23,7
Tổng cộng	118	100,0

*Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm tác giả, 2012*

Để đảm bảo tính chính xác và tính khoa học của số liệu nghiên cứu, nhóm tác giả tiến hành thu thập số liệu sơ cấp thông qua phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp với ngẫu nhiên. Hai tiêu chí phân tầng bao gồm: địa bàn sản xuất và quy mô sản xuất. Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các hộ chăn nuôi heo tại thành phố Cần Thơ, với cỡ mẫu được chọn là 118. Mặt khác, để đảm bảo nội dung trong phiếu điều tra phù hợp với địa bàn nghiên cứu, nhóm tác giả đã tiến hành điều tra sơ bộ 12 nông hộ để hiệu chỉnh phiếu khảo sát phù hợp với thực tế. Thời gian triển khai thu thập số liệu nghiên cứu từ tháng 03/2012 đến tháng 04/2012.

### 2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Để đánh giá thực trạng rủi ro nông nghiệp trong hoạt động sản xuất và phản ứng đối với các loại rủi ro của hộ chăn nuôi heo, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả với các chỉ tiêu tần số, số trung bình, tỷ lệ. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp thảo luận nhóm (PRA) và tham vấn chuyên gia để xác định các cơ sở khoa học cho việc xây dựng mô hình liên kết các tác nhân nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả sản xuất cho hộ chăn nuôi heo ở thành phố Cần Thơ.

## 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 3.1. Giới thiệu một số đặc điểm của hộ chăn nuôi heo

Theo số liệu khảo sát cho thấy, số lao động trong hộ ở mức trung bình. Cụ thể, số lao động trong hộ cao nhất là 13 người, thấp nhất chỉ có 1 người. Trung bình mỗi hộ có 4 lao động trong gia đình. Tuổi đời trung bình của chủ hộ khá cao (khoảng 49 tuổi), với tuổi cao nhất của chủ hộ là 82 và tuổi thấp nhất là 29. Xét về trình độ học vấn cho thấy, trình độ học vấn của nông hộ vẫn còn khá thấp (lớp 7), trong khi trình độ học vấn cao nhất của hộ thì khá hơn (lớp 10). Điều này chứng tỏ, các chủ hộ đã quan tâm đầu tư nhiều hơn cho giáo dục đối với các thế hệ sau của gia đình.

*Bảng 2. Mô tả đặc điểm của hộ chăn nuôi heo*

Đặc điểm	ĐVT	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Số lao động của hộ	Người	1	13	3,71	1,774
Tuổi của chủ hộ	Tuổi	29	82	49,38	11,21
Trình độ học vấn của chủ hộ	Lớp	2	13	7,51	3,04
Trình độ cao nhất trong hộ	Lớp	3	55	10,44	4,97

*Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm tác giả, 2012*

Kết quả nghiên cứu còn cho thấy, tỷ lệ hộ tham gia các lớp phổ biến kỹ thuật chưa cao, với tỷ lệ 61,9% hộ chăn nuôi heo có tham gia tập huấn kỹ thuật liên quan đến hoạt động chăn nuôi heo như: cách chọn giống, cách sử dụng thức ăn, tiêm ngừa... Việc áp dụng các mô hình kỹ thuật vào sản xuất như VAC hay Biogas sẽ giúp cho các hộ chăn nuôi heo có thể giảm thiểu chi phí, tận dụng các phế phẩm làm tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp của hộ. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát chỉ 11% hộ chăn nuôi có áp dụng các mô hình tiến bộ kỹ thuật. Việc nắm bắt thông tin thị trường của hộ chăn nuôi nhìn chung vẫn còn hạn chế, chủ yếu từ 2 kênh thông tin là người quen và đài truyền thanh, truyền hình địa phương, còn các kênh thông tin khác như Internet, báo chí hầu như khả năng tiếp cận của hộ chăn nuôi rất thấp.

### 3.2. Thực trạng rủi ro nông nghiệp trong hoạt động sản xuất của nông hộ

Theo Hardaker và ctg (1997), khi sản xuất nông nghiệp người nông dân phải đối mặt với năm nhóm rủi ro chính: nhóm rủi ro liên quan



trực tiếp đến quá trình sản xuất, nhóm rủi ro về giá và thị trường, nhóm rủi ro liên quan đến các chính sách liên quan của chính phủ, nhóm rủi ro liên quan trực tiếp từ nông dân, nhóm rủi ro liên quan đến yếu tố tài chính. Trong khi đó, nghiên cứu của James và ctg (2004) một lần nữa đề cập đến các nhóm rủi ro liên quan đến việc sản xuất nông nghiệp, rủi ro liên quan đến thị trường tiêu thụ các sản phẩm và các chính sách nông nghiệp của Chính phủ. Thực tế nghiên cứu cho thấy, heo chăn nuôi heo chịu ảnh hưởng rất ít bởi nhóm rủi ro cá nhân đồng thời hộ chăn nuôi cũng không đánh giá được tác động của rủi ro thể chế. Vì thế, nhóm tác giả chỉ tập trung vào 3 nhóm rủi ro, đó là rủi ro sản xuất, rủi ro thị trường và rủi ro tài chính để nghiên cứu.

Đối với nhóm rủi ro sản xuất, phần lớn các hộ chăn nuôi heo thường gặp phải rủi ro về thời tiết, dịch bệnh và giống, rất ít gặp rủi ro về nguồn nước. Rủi ro về giống là rủi ro mà các nông hộ gặp phải nhiều nhất. Cụ thể, có 44,9% hộ gặp phải rủi ro về giống, làm ảnh hưởng từ 2,3% đến 100% lợi nhuận của hộ. Bên cạnh đó, có 43,2% hộ gặp rủi ro dịch bệnh và có 39,8% hộ gặp rủi ro thời tiết. Tuy nhiên, nếu xét về mức độ tác động đến lợi nhuận thì rủi ro dịch bệnh có tác động mạnh nhất đến hiệu quả sản xuất của nông hộ với mức tác động trung bình là 28,53%, rủi ro về giống sẽ làm giảm 17,74% lợi nhuận của hộ. Đối với rủi ro do thời tiết, các hộ chăn nuôi heo đánh giá rủi ro này có thể tự chữa trị kịp thời bằng thuốc, hóa chất hoặc thuê cán bộ thú y, nên thiệt hại không đáng kể, trung bình khi gặp rủi ro này thì lợi nhuận sẽ bị giảm 5%.

**Bảng 3. Thực trạng rủi ro sản xuất của nông hộ**

Loại rủi ro	Tần số (người)	Tỷ lệ (%)	Mức độ ảnh hưởng đến lợi nhuận (%)		
			Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình
Rủi ro sản xuất					
Rủi ro thời tiết	47	39,8	2,00	20,0	5,00
Rủi ro dịch bệnh	51	43,2	0,50	82,2	28,53
Rủi ro về giống	53	44,9	2,30	100,00	17,74
Rủi ro thị trường					
Giá con giống	57	48,3	2,32	60,98	14,56

Giá thuốc hóa học	16	13,6	0,00	0,00	0,00
Giá thức ăn	65	55,1	0,60	41,10	12,22
Giá bán sản phẩm	62	52,5	0,00	68,50	26,45
Nhu cầu thị trường thay đổi	1	0,8	-	-	-
Rủi ro tài chính					
Thiếu vốn sản xuất	83	70,3	0,35	57,15	6,10
Lãi suất vay tăng	36	30,5	0,3	11,00	6,03

*Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, 2012*

Kết quả khảo sát về rủi ro thị trường cho thấy, các hộ chăn nuôi heo thường gặp các rủi ro về giá con giống; giá phân bón, thuốc hóa học; giá thức ăn (thuộc các yếu tố đầu vào), giá bán sản phẩm và nhu cầu thị trường (thuộc thị trường tiêu thụ). Rủi ro về giá thức ăn xảy ra phổ biến nhất với 55,1% hộ gặp phải rủi ro dạng này, làm giảm 12,22% lợi nhuận của nông hộ. Giá bán sản phẩm là rủi ro có tác động lớn đối với sự sụt giảm của lợi nhuận, trung bình có đến 52,5% hộ gặp rủi ro này, làm ảnh hưởng giảm đến 26,45% lợi nhuận, mức ảnh hưởng lớn nhất có thể lên đến 68,50%. Rủi ro về giá con giống cũng tương đối phổ biến với 48,3% hộ gặp phải. Đối với rủi ro về thuốc hóa học, chỉ khoảng 13,60% hộ gặp rủi ro và tác động không đáng kể, mặc dù giá của các yếu tố này thường xuyên biến động nhưng tỷ trọng của chi phí này trong tổng chi phí tương đối nhỏ nên hầu như không ảnh hưởng nhiều đến sự thay đổi lợi nhuận của hộ chăn nuôi. Cuối cùng, chỉ có 0,8% hộ gặp phải rủi ro do nhu cầu của thị trường thay đổi.

Bên cạnh rủi ro sản xuất và rủi ro thị trường, các yếu tố thuộc nhóm rủi ro tài chính cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả chăn nuôi của hộ gia đình. Các nông hộ trên địa bàn nghiên cứu thường gặp rủi ro do thiếu vốn đầu tư và rủi ro do lãi suất vay vốn tăng. Trong đó, phổ biến nhất là rủi ro do thiếu vốn sản xuất với 70,3% hộ, làm lợi nhuận của hộ bị ảnh hưởng ít nhất từ 0,35% đến nhiều nhất là 57,15%. Trong khi đó, chỉ 30,5% hộ gặp phải rủi ro do lãi suất vay vốn tăng. Tuy nhiên, mức độ tác động của hai loại rủi ro này đến hiệu quả sản xuất của các hộ chăn nuôi heo trên địa bàn thành phố tương đối thấp hơn so với



tác động từ rủi ro sản xuất và rủi ro thị trường. Khi gặp rủi ro do thiếu vốn sản xuất, lợi nhuận của nông hộ sẽ bị giảm 6,1% và khi gặp rủi ro do lãi suất vay vốn tăng thì lợi nhuận bị giảm 6,03%.

### 3.3. Phản ứng của nông hộ đối với các rủi ro nông nghiệp

Theo kết quả nghiên cứu cho thấy, nông hộ có những phản ứng khác nhau để giảm thiểu thiệt hại khi gặp các rủi ro. Tuy nhiên, cách thức lựa chọn phản ứng của hộ chăn nuôi đối với từng loại rủi ro cũng rất khác nhau. Khi gặp rủi ro về thời tiết, hộ chăn nuôi heo thường chọn phản ứng sưởi ấm, làm mát (72,3%) và che chắn, bảo vệ (55,3%). Theo nông hộ, đây là các biện pháp phổ biến, đơn giản nhưng hiệu quả cao để đề phòng và giảm thiểu thiệt hại do rủi ro thời tiết. Ngoài ra, có 17,0% nông hộ chọn thuê cán bộ điều trị. Đa phần nông hộ cho biết không gặp rủi ro do nguồn nước ô nhiễm, nếu rủi ro này xảy ra, các hộ sẽ chủ động xây dựng cây nước để có nguồn nước sạch (75,4%) hoặc tự xử lý bằng hóa chất theo kinh nghiệm của hộ (42,4%). Trong trường hợp có rủi ro dịch bệnh, phần lớn các hộ thường thuê cán bộ điều trị (82,4%). Tuy nhiên, 39,2% hộ cũng chọn điều trị theo kinh nghiệm của bản thân, nếu gặp rủi ro dịch bệnh trong đợt sản xuất tiếp theo thì tự điều trị theo kinh nghiệm cũng là giải pháp được ưu tiên (61,0%). Đối với rủi ro giống không chất lượng làm giảm thu nhập của hoạt động chăn nuôi heo thì các hộ chọn giải pháp tự sản xuất giống (45,3%).

Đối với nhóm rủi ro về thị trường, kết quả nghiên cứu cho thấy khi giá con giống tăng cao thì giải pháp mà nông hộ ưu tiên lựa chọn là tự sản xuất giống (54,4% hộ chọn giải pháp này) và có đến 73,7% hộ sẽ thực hiện khi giá tiếp tục tăng cao. Khi giá thuốc, hóa chất tăng thì có 62,5% nông hộ chọn phương án chuyển sang nhà cung cấp khác. Đối với rủi ro khi giá thức ăn tăng, đây là loại rủi ro mà hộ chăn nuôi heo rất quan tâm, để ứng phó với rủi ro này thì các hộ chăn nuôi chọn giải pháp bổ sung thêm các nguồn thức ăn khác (55,4%). Bên cạnh đó, có 29,2% nông hộ đã chọn giải pháp giảm lượng thức ăn. Cuối cùng, giá đầu ra thành phẩm của

nông hộ cũng gặp không ít rủi ro. Khi gặp rủi ro này, đa số các hộ chăn nuôi heo đã chọn giải pháp dự trữ lại chờ giá tăng (chiếm 40,3%) và sẽ tiếp tục thực hiện nếu lại gặp phải rủi ro về giá trong đợt sản xuất kế tiếp (54,2%). Giải pháp thứ hai được các hộ ưu tiên là tìm người mua khác (32,3%). Ngoài ra, có 24,2% hộ chăn nuôi chọn phương án “bán tháo” và có 28,0% hộ cho biết sẽ thực hiện giải pháp này khi gặp rủi ro giá bán trong vụ tiếp theo.

**Bảng 4. Phản ứng của nông hộ đối với các loại rủi ro**

Phản ứng của nông hộ	Đã thực hiện		Sẽ thực hiện	
	Tần số (người)	Tỷ lệ (%)	Tần số (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Đối với rủi ro trong sản xuất</b>				
<b>1. Rủi ro thời tiết</b>				
- Che chắn, bảo vệ	26	55,3	47	39,8
- Sưởi ấm (làm mát)	34	72,3	49	41,5
- Không sản xuất vụ sau	4	8,5	1	0,8
- Cho thuê đất	-	-	3	2,5
- Thuê cán bộ điều trị	8	17,0	8	6,8
<b>2. Rủi ro nguồn nước</b>				
- Tự xử lý bằng hóa chất	-	-	50	42,4
- Đóng cây nước/ vào nước máy	-	-	89	75,4
<b>3. Rủi ro dịch bệnh</b>				
- Tự điều trị theo kinh nghiệm	20	39,2	72	61,0
- Thuê cán bộ kỹ thuật điều trị	42	82,4	84	71,2
- Báo với địa phương	1	1,9	-	-
<b>4. Rủi ro con giống</b>				
- Thay đổi giống khác	22	41,5	61	51,7
- Sản xuất lại giống cũ	6	11,3	6	5,1
- Tự sản xuất giống	24	45,3	63	53,4
<b>Đối với rủi ro thị trường</b>				
<b>1. Rủi ro giá con giống</b>				
- Tự sản xuất giống	31	54,4	87	73,7
- Tìm nguồn cung khác	19	33,3	38	32,2
- Giảm mật độ sản xuất	-	-	4	3,4
<b>2. Rủi ro giá thuốc hóa học</b>				
- Tìm nguồn cung khác	10	62,5	22	18,6
- Hạn chế sử dụng	1	6,3	0	0,00
<b>3. Rủi ro giá thức ăn</b>				
- Hạn chế lượng thức ăn	36	55,4	67	56,7
- Giảm lượng thức ăn chờ giá giảm	19	29,2	42	35,6
- Mua dự trữ số lượng lớn trước	27	41,5	72	61,0
<b>4. Rủi ro giá bán</b>				
- Tìm người mua khác	20	32,3	60	50,8
- Dự trữ lại	25	40,3	64	54,2



- Bán thảo	15	24,2	33	28,0
<b>Đối với rủi ro tài chính</b>				
<b>1. Rủi ro thiếu vốn sản xuất</b>				
- Vay từ các tổ chức tín dụng	4	4,8	1	0,8
- Vay bán chính thức (Đoàn thể, hội)	3	3,6	4	3,4
- Vay phi chính thức	39	47,0	26	22,0
- Mua chịu	61	73,5	68	57,6
<b>2. Rủi ro lãi suất tăng</b>				
- Tiếp tục vay	26	72,2	42	35,6
- Vay bán chính thức	1	2,8	-	-
- Vay phi chính thức	12	33,3	-	-

Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, 2012

Kết quả khảo sát phản ứng của nông hộ nuôi heo đối với nhóm rủi ro tài chính cho thấy, phần lớn các hộ không thể sử dụng toàn bộ vốn của gia đình cho hoạt động sản xuất nên buộc phải lựa chọn những cách phản ứng khác nhau khi thiếu vốn. Một trong những hình thức được các hộ ưa chuộng là mua chịu, có đến 73,5% hộ chăn nuôi heo đã thực hiện phản ứng này và 57,6% hộ sẽ tiếp tục sử dụng giải pháp này. Một cách phản ứng khác được các hộ chăn nuôi lựa chọn là vay phi chính thức (47% đã thực hiện và 22% sẽ thực hiện). Đa phần các hộ chọn vay từ người quen hoặc hàng xóm nên mức lãi suất vay cũng không cao. Hơn nữa, thủ tục đơn giản, nhanh chóng, có thể đáp ứng nhu cầu vốn khẩn cấp nên càng được nhiều hộ lựa chọn giải pháp này. Khi có rủi ro lãi suất vay tăng, đa phần các hộ chăn nuôi heo (72,2% đã thực hiện và 35,6% sẽ thực hiện) vẫn tiếp tục vay vì họ cho rằng mức tác động là không nhiều. Một số hộ chăn nuôi heo (33,3%) chọn giải pháp vay vốn từ người quen hoặc hàng xóm với mức lãi suất tương đối phù hợp nhưng thủ tục rất giản đơn.

### 3.4. Mô hình liên kết giảm rủi ro trong sản xuất của hộ chăn nuôi heo

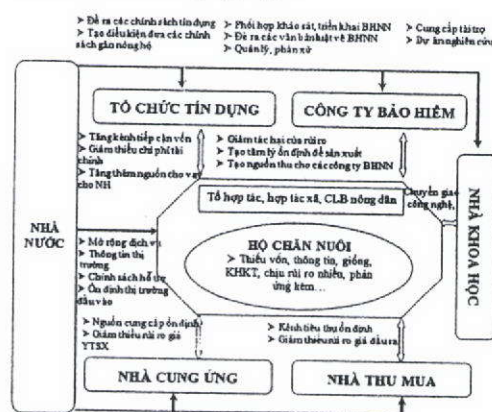
#### 3.4.1. Xây dựng mô hình liên kết nâng cao hiệu quả sản xuất cho nông hộ

Kết quả phân tích thực trạng rủi ro trong chăn nuôi heo của nông hộ cho thấy hiệu quả sản xuất bị tác động bởi nhiều loại rủi ro, bao gồm rủi ro sản xuất, rủi ro thị trường và rủi ro tài chính. Hơn nữa, phản ứng của nông hộ đối với các loại rủi ro còn khá hạn chế, đơn lẻ và mang tính tự phát nên hiệu quả hạn chế rủi ro chưa cao.

Do đó, để góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động chăn nuôi heo, cần thiết phải có sự liên kết giữa các tác nhân có liên quan trong ngành chăn nuôi, có thể kể đến là Nhà nước, nhà khoa học, ngân hàng, nhà cung ứng, nhà thu mua, công ty bảo hiểm. Thông qua phương pháp thảo luận nhóm và tham vấn chuyên gia, nhóm tác giả đề xuất mô hình liên kết giữa các tác nhân có liên quan nhằm giảm thiểu rủi ro trong sản xuất của hộ chăn nuôi heo ở thành phố Cần Thơ.

#### a) Hộ chăn nuôi

Đây chính là thành phần chính trong mô hình và cũng là thành phần chịu tác động chủ yếu của rủi ro trong chăn nuôi. Nông hộ chăn nuôi heo cần tích cực tham gia các tổ hợp tác, hợp tác xã, tham gia các lớp tập huấn, phổ biến kỹ thuật chăn nuôi heo. Ngoài ra, các hộ chăn nuôi cũng phải đảm bảo uy tín đối với nhà cung ứng và thương lái để đảm bảo mối quan hệ làm ăn lâu dài – cùng hợp tác và chia sẻ lợi ích. Đồng thời, chủ động tiếp cận với các tổ chức tín dụng thông qua sự hỗ trợ của chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể để tiếp cận với nguồn tín dụng ưu đãi cho phát triển nông nghiệp.



Hình 1. Mô hình liên kết nâng cao hiệu quả sản xuất

#### b) Nhà nước (chính quyền địa phương)

Nhà nước là tác nhân quan trọng giữ vai trò điều phối các thành viên trong mô hình, đề ra các chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho thành phần còn lại hoạt động một cách hiệu quả nhất. Vai trò của Nhà nước trong việc giảm thiểu rủi ro chăn nuôi được thể hiện qua các hoạt động ổn định thị trường các yếu tố đầu vào và đầu ra, quy hoạch vùng sản xuất trên địa bàn,